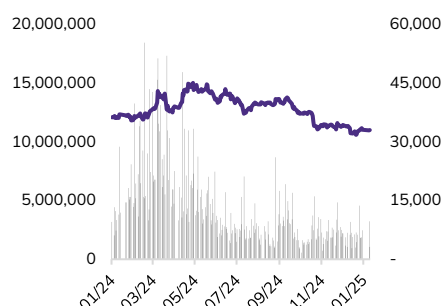


Lê Thị Kim Huệ

 Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)
**THÔNG TIN CƠ BẢN**

Ngành : Dầu khí  
 Ngày báo cáo : 18/02/2025  
 Giá hiện tại (VND/CP) : 34.500  
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 16.490  
 SLCPLH (CP) : 477.966.290

**DIỄN BIẾN GIÁ**


Nguồn: FiinPro, ABS Research

**CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	4Q23	4Q24
Tăng trưởng DTT (%)	28,3%	44,2%
Tăng trưởng LNST (%)	-14,0%	23,3%
Biên LNG (%)	6,9%	3,1%
Biên LNST (%)	6,6%	5,6%
ROA (%)	1,7%	1,6%
ROE (%)	3,5%	4,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,13	0,11
EPS (VND/CP)	935	1.152
BVPS (VND/CP)	26.852	27.878

Nguồn: FiinPro, ABS Research

**Lợi nhuận Q4/2024 & cả năm 2024 tăng trưởng khả quan nhờ hoạt động khác**

- ✓ **Lợi nhuận Q4/2024 khả quan nhờ hoạt động khác:** Doanh thu thuần (DTT) đạt 9.777 tỷ đồng (+44,2% svck). LNST cổ đông Công ty mẹ Q4/2024 đạt 551 tỷ đồng (+23,3% svck). Tuy nhiên, lợi nhuận gộp (LNG) Q4/2024 lại sụt giảm về còn 300 tỷ đồng (-35,7% svck), biên LNG cũng giảm mạnh về còn 3,1% so với mức 6,9% của cùng kỳ năm trước, chủ yếu do biên LNG nhiều mảng hoạt động giảm svck. Cụ thể:
  - **Mảng M&C – mảng chủ đạo của PVS có sự tăng trưởng tốt nhưng biên LNG mỏng và giảm svck.** DTT mảng này đạt 7.207 tỷ đồng (+76,3% svck), chiếm 73,7% cơ cấu DTT. Mảng này cũng đóng góp lớn nhất vào cơ cấu LNG của PVS trong Q4/2024 với 98 tỷ đồng (+12,3% svck), chiếm 32,8% cơ cấu LNG. Tuy nhiên, mảng này có biên LNG khá mỏng chỉ khoảng 1,4%, sụt giảm so với mức 2,1% của cùng kỳ năm trước.
  - **Mảng dịch vụ căn cứ cảng – mảng đóng góp thứ 2 trong cơ cấu LNG Q4/2024 – tương đối khả quan.** Tuy DTT Q4/2024 mảng này sụt giảm về còn 394 tỷ đồng (-9,8% svck và chỉ chiếm có 4% cơ cấu DTT) nhưng do biên LNG mảng này khá cao và cải thiện mạnh svck lên 24,4% trong khi cùng kỳ là 11,6% nên LNG mảng này đạt 96 tỷ đồng (+88,8% svck và chiếm 31,9% cơ cấu LNG).
  - **Nhiều mảng hoạt động có lợi nhuận sụt giảm mạnh svck.** Mảng tàu kỹ thuật dầu khí (OSV) có DTT đạt 546 tỷ đồng (+13,2% svck) nhưng LNG sụt giảm về còn 56 tỷ đồng (-37,8% svck) với biên LNG giảm về còn 10,3% so với mức 18,8% của cùng kỳ năm trước. Mảng FSO/FPSO cũng tương tự với DTT đạt 642 tỷ đồng (-9,6% svck) và LNG đạt 34 tỷ đồng (-69,8% svck), biên LNG giảm về còn 5,3% từ mức 15,9% của cùng kỳ năm trước. Mảng vận hành & bảo dưỡng (O&M) có DTT đạt 727 tỷ đồng (+5,2% svck) nhưng lỗ gộp 0,5 tỷ đồng trong khi cùng kỳ vẫn lãi 26 tỷ đồng. Mảng dịch vụ khác cũng lỗ 12 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi 81 tỷ đồng.
- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN trong kỳ tăng lên 446 tỷ đồng (+35,5% svck). Doanh thu tài chính giảm mạnh về còn 188 tỷ đồng (-31,7% svck), chi phí tài chính được hoàn nhập 14 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước là trên 103 tỷ đồng. Kết quả là lợi nhuận từ HĐKD giảm -39,7% svck còn 271 tỷ đồng.
- ✓ Tuy nhiên, lợi nhuận từ hoạt động liên doanh, liên kết tăng mạnh lên 215 tỷ đồng (+54% svck), và lợi nhuận hoạt động khác tăng đột biến lên 571 tỷ đồng (+966% svck), chủ yếu do thực hiện hoàn nhập dự phòng bảo hành của một số dự án đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành với khách hàng & hợp nhất thu nhập đối với khoản nợ phải trả của công ty con được nhà cung cấp giảm nợ (bao gồm giảm nợ từ nhà cung cấp tại Công ty liên doanh PTSC-CGGV, từ Dự án Gallaf giai đoạn 1 và Dự án Sao Vàng Đai Nguyệt).

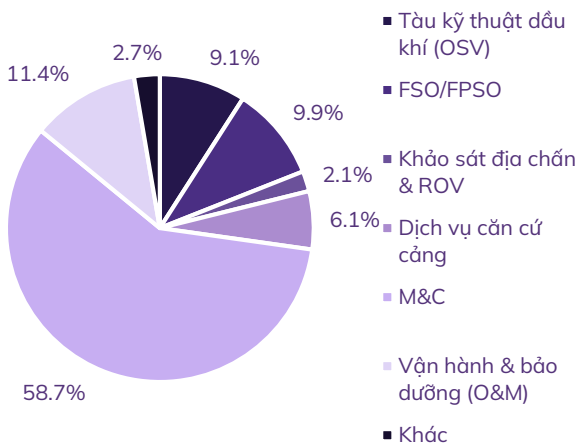
## KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024 & NĂM 2024

Chỉ tiêu	4Q23	4Q24	%YOY	2023	2024	%YOY
Doanh thu thuần	6.782	9.777	44,2%	19.374	23.878	23,3%
Lợi nhuận gộp	467	300	-35,7%	1.039	1.133	9,0%
Biên LN gộp	6,9%	3,1%		5,4%	4,7%	
Chi phí BH & QLDN	(329)	(446)	35,5%	(1.052)	(1.250)	18,8%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	4,9%	4,6%		5,4%	5,2%	
Doanh thu tài chính	275	188	-31,7%	790	562	-28,9%
Chi phí tài chính	(103)	14	N/A	(216)	(210)	-2,7%
Chi phí lãi vay	(16)	(16)	-2,0%	(73)	(64)	-12,3%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	449	271	-39,7%	1.211	1.097	-9,4%
Lãi/lỗ từ liên doanh, liên kết	140	215	54,0%	651	863	32,6%
Lãi/lỗ khác	54	571	966,4%	66	603	812,5%
Lợi nhuận trước thuế	502	841	67,5%	1.277	1.700	33,1%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	447	551	23,3%	1.026	1.182	15,1%
Biên LN ròng	6,6%	5,6%		5,3%	4,9%	

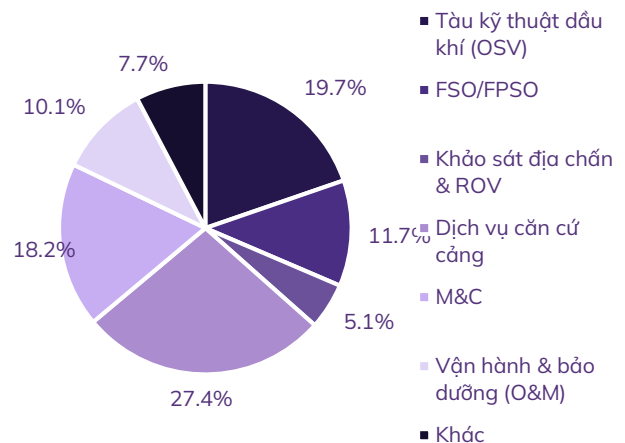
Nguồn: FiinPro, ABS Research

- Lợi nhuận cả năm 2024 khả quan do các mảng kinh doanh chính tăng trưởng tốt và lãi từ Công ty liên doanh, liên kết & hoạt động khác tăng mạnh svck:**
  - Lũy kế năm 2024, DTT của PVS lên mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây khi đạt 23.878 tỷ đồng (+23,3% svck), chủ yếu do đa phần các mảng kinh doanh chính của PVS đều có sự tăng trưởng tốt svck. Trong đó, mảng M&C chiếm 58,7% cơ cấu DTT khi DTT mảng này đạt 14.016 tỷ đồng (+25,4% svck). KQKD khả quan trên là từ các dự án như chế tạo và cung cấp 33 chân đế điện gió ngoài khơi, Dự án Greater Changhua 2b&4 (CHW2204) cho khách hàng Orsted (Đan Mạch), Dự án Lạc Đà Vàng, Dự án Lô B...
  - LNG năm 2024 đạt 1.133 tỷ đồng (+9% svck), biên LNG giảm về 4,7% từ mức 5,4% của năm 2023. LNG của đa phần các mảng kinh doanh chính đều tăng trưởng khả quan như dịch vụ căn cứ cảng đạt 310 tỷ đồng (+17,3% svck), đây cũng là mảng đóng góp lớn nhất vào cơ cấu LNG năm 2024 của PVS (chiếm 27,4% cơ cấu LNG) do biên LNG mảng này cũng cao nhất trong tất cả các mảng kinh doanh khi đạt 21,3% (tăng so với mức 18,7% của năm 2023). Mảng M&C có LNG tăng trưởng +18% svck lên 207 tỷ đồng, nhưng biên LNG mảng này mỏng và giảm nhẹ về còn 1,5% (cùng kỳ là 1,6%). Riêng mảng FSO/FPSO và dịch vụ khác thì LNG sụt giảm svck. Về biên LNG thì các mảng đều sụt giảm svck, trừ mảng dịch vụ căn cứ cảng và O&M. Chúng tôi cho rằng sự sụt giảm về LNG cũng như biên LNG một số mảng của PVS một phần do giá nguyên vật liệu tăng cao, một phần do tính cạnh tranh trong đấu thầu dự án.

Cơ cấu doanh thu năm 2024 của PVS (%)

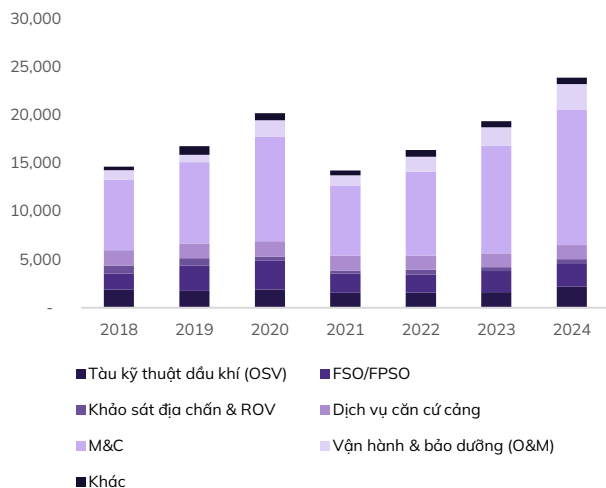


Cơ cấu LNG năm 2024 của PVS (%)

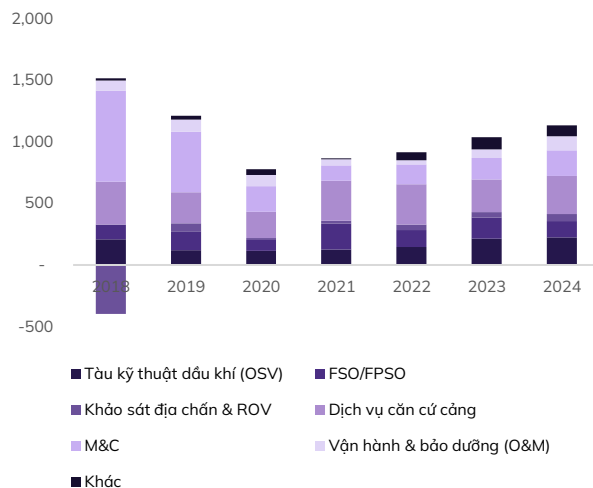


Nguồn: BCTC PVS, ABS Research

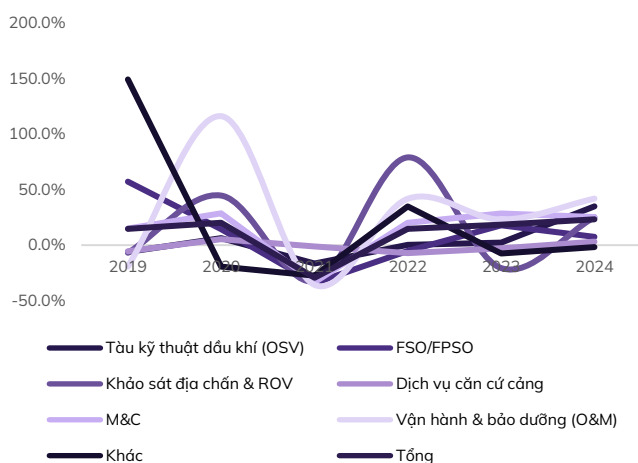
**Cơ cấu DTT của PVS 2019-2024 (tỷ đồng)**



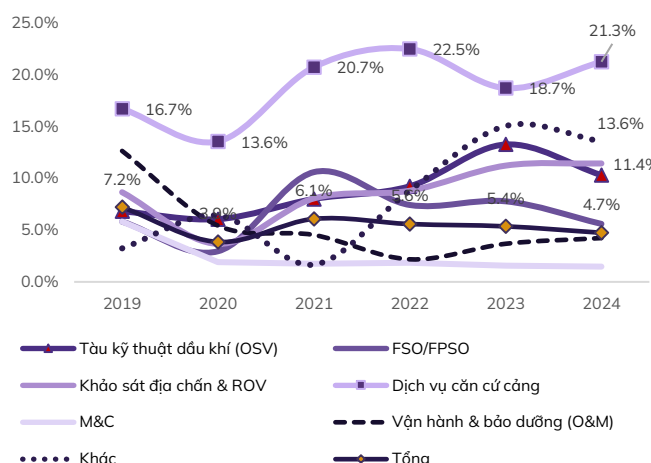
**Cơ cấu LNG của PVS (tỷ đồng)**



**Tăng trưởng DTT các mảng kinh doanh của PVS 2019-2024 (%)**



**Biên LNG các mảng kinh doanh của PVS 2019-2024 (%)**



Nguồn: BCTC PVS, ABS Research

- ✓ Chi phí bán hàng & chi phí QLDN năm 2024 tăng +18,8% svck lên 1.250 tỷ đồng, doanh thu tài chính giảm mạnh về còn 562 tỷ đồng (-28,9% svck, do lãi tiền gửi giảm) trong khi chi phí tài chính giảm nhẹ -2,7% svck về còn 210 tỷ đồng nên lợi nhuận từ HĐKD chính vẫn sụt giảm -9,4% svck về còn 1.097 tỷ đồng. Tuy nhiên, lãi từ công ty liên doanh, liên kết và hoạt động khác tăng mạnh lên 863 tỷ đồng (+32,6% svck) & 603 tỷ đồng (+812% svck, chủ yếu ghi nhận trong Q4 như đã mô tả ở trên) đã hỗ trợ khá tốt cho lợi nhuận của PVS.
- ✓ **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ năm 2024 của PVS đạt 1.182 tỷ đồng (+15,1% svck).** Với kết quả khả quan trên, PVS đã hoàn thành 154,1% kế hoạch doanh thu và 213,9% kế hoạch LNST năm 2024.
- **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào và đòn bẩy tài chính thấp:**
  - ✓ **Lượng tiền dồi dào.** Tại 31/12/2024, PVS có 15.308 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+51,8% so với cuối năm 2023), chiếm 44,9% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào sẽ giúp PVS có thể chủ động trong các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt khá đều và tối thiểu 7%/năm trên mệnh giá.
  - ✓ **Các khoản phải thu & hàng tồn kho có xu hướng tăng.** Tại 31/12/2024, các khoản phải thu chiếm 18,3% cơ cấu TTS, ở mức 6.242 tỷ đồng (+44,9% so với cuối năm 2023), chủ yếu do tăng phải thu từ khách hàng là Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc (1.327 tỷ đồng, tăng mạnh gần 1.300 tỷ đồng svck). Trong khi đó, khoản mục hàng tồn kho trị giá 1.924 tỷ đồng (+30,8% so với thời điểm cuối năm 2023) và chiếm 5,6% cơ cấu TTS, chủ yếu do tăng nguyên vật liệu và chi phí SXKD dở dang cho các dự án như Lô B, Dự án CHW2204, Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam...

- ✓ **Đòn bẩy tài chính thấp.** Tại 31/12/2024, Công ty 1.659 tỷ đồng nợ vay (-4,6% so với cuối năm 2023), trong đó 869 tỷ đồng nợ vay ngắn hạn & 790 tỷ đồng nợ vay dài hạn. Hệ số D/E ở mức thấp 0,11 lần, giảm so với mức 0,13 lần của năm 2023. Nhìn chung, PVS luôn duy trì đòn bẩy tài chính thấp dưới 0,18 lần trong nhiều năm trở lại đây. Việc duy trì đòn bẩy thấp sẽ giúp cho PVS không phải chịu gánh nặng lãi.
- **Triển vọng của PVS dự báo khả quan dựa trên các yếu tố sau:**
  - ✓ Triển vọng lợi nhuận mảng FSO/FPSO, lĩnh vực tàu chuyên dụng và căn cứ cảng dự báo tươi sáng khi các dự án lớn đang có những tín hiệu tích cực như Dự án Lô B – Ô Môn, Dự án Lạc Đà Vàng, Dự án NLTT ngoài khơi...
  - ✓ Mảng M&C dự báo tiếp tục khả quan nhờ sự đóng góp từ các dự án: Dự án Gallaf – GD 3, Dự án điện gió Hải Long (Đài Loan), Shwe (Myanmar).
  - ✓ Các dự án lớn của ngành dầu khí như Dự án Cá Voi Xanh, Lô B – Ô Môn, Lạc Đà Vàng, các Dự án Kho cảng LNG Thị Vải, Sơn Mỹ... được thúc đẩy tiến độ triển khai hứa hẹn sẽ đem lại khối lượng công việc lớn cho các doanh nghiệp thượng nguồn như PVS. Đặc biệt tại Dự án Lô B – Ô Môn, chúng tôi cho rằng PVS là DN đầu tiên hưởng lợi lớn từ dự án này khi tham gia cả 3 gói thầu EPCI#1, EPCI#2, EPCI#3 với tổng giá trị hợp đồng trên 1,2 tỷ USD và dự kiến sẽ tiếp tục hưởng lợi trong giai đoạn sau của dự án khi phát triển mở rộng mỏ.
  - ✓ Mảng điện gió ngoài khơi dự báo sẽ là động lực tăng trưởng mới và dài hạn cho PVS, đặc biệt là dự án điện gió xuất khẩu sang Singapore. Với kinh nghiệm cung cấp các dịch vụ cho các dự án điện gió ngoài khơi ở Bến Tre, Trà Vinh, Bình Thuận & Dự án điện gió Hải Long (Đài Loan), PVS có nhiều cơ hội giành được các hợp đồng điện gió ngoài khơi thời gian tới (bao gồm làm tổng thầu EPC và tham gia dự án điện gió ngoài khơi). PVS đã lên kế hoạch đầu tư rất lớn cho mảng này từ nay tới năm 2030.
  - ✓ ABS Research đánh giá KQKD năm 2025 của PVS sẽ tiếp tục khả quan, tuy nhiên do năm 2024 lợi nhuận của PVS tăng mạnh một phần nhờ thu nhập bất thường từ hoạt động khác, nên năm 2025 lợi nhuận sẽ chỉ tăng nhẹ svck nhờ hoạt động chính khả quan là chủ yếu. Chúng tôi dự phóng DTT của PVS năm 2025F dự kiến đạt 30.025 tỷ đồng (+25,7% svck) & LNST cổ đông Công ty mẹ 2025F của PVS dự kiến đạt 1.267 tỷ đồng (+7,2% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 2.650 đ/cp & 29.828 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 12,79 và 1,14 lần lượt tại mức giá hiện tại.

## PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA PVS

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
<b>Doanh thu thuần</b>	14.260	16.366	19.374	23.878
Giá vốn hàng bán	-13.393	-15.353	-18.335	-22.745
<b>Lợi nhuận gộp</b>	867	1.014	1.039	1.133
Doanh thu tài chính	278	489	790	562
Chi phí tài chính	-94	-163	-216	-210
Chi phí bán hàng	-89	-79	-85	-95
Chi phí QLDN	-712	-828	-967	-1.155
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	756	1.090	1.211	1.097
Lãi/Lỗ khác	449	407	1.645	1.250
Lợi nhuận trước thuế	1.204	1.498	2.856	2.347
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	656	1.111	2.420	1.576
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	675	989	1.026	1.182

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	-111	1.500	-285	4.288
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	1.162	-1.727	818	1.109
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-509	-321	-32	198
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	542	-549	501	5.595
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	5.212	5.747	5.219	5.757
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	5.754	5.199	5.720	11.352

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,77	1,79	1,80	1,75
Khả năng thanh toán nhanh	1,50	1,64	1,58	1,57
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,97	1,09	1,11	1,12
Khả năng thanh toán lãi vay	27,40	30,58	40,10	37,64

Cơ cấu vốn	2021	2022	2023	2024
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,51	0,50	0,51	0,44
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,49	0,50	0,49	0,56
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,10	0,11	0,13	0,11

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2021	2022	2023	2024
Số ngày phải thu	116,2	90,8	68,3	59,8
Số ngày phải trả	142,5	113,9	87,7	65,5
Số ngày tồn kho	57,4	38,0	25,5	27,2

Khả năng sinh lời	2021	2022	2023	2024
Tỷ suất lợi nhuận gộp	6,1%	6,2%	5,4%	4,7%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	4,2%	5,4%	4,2%	3,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	4,6%	6,8%	12,5%	6,6%
ROE	5,1%	8,7%	18,2%	11,1%
ROA	2,6%	4,4%	9,2%	5,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
<b>+ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	5.747	5.219	5.757	11.422
<b>+ Đầu tư ngắn hạn</b>	2.677	4.837	4.329	3.886
<b>+ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	4.642	5.047	4.185	6.148
<b>+ Hàng tồn kho</b>	2.103	1.090	1.470	1.924
<b>+ Tài sản ngắn hạn khác</b>	226	276	548	501
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	15.395	16.470	16.290	23.880
<b>+ Các khoản phải thu dài hạn</b>	175	124	123	94
<b>+ Tài sản cố định</b>	2.991	3.048	3.391	3.588
<b>+ Bất động sản đầu tư</b>	174	169	164	160
<b>+ Tài sản dở dang dài hạn</b>	184	172	373	430
<b>+ Đầu tư dài hạn</b>	4.841	4.918	4.945	4.722
<b>+ Tài sản dài hạn khác</b>	1.111	1.023	1.130	1.201
<b>Tài sản dài hạn</b>	9.476	9.454	10.126	10.193
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>24.871</b>	<b>25.924</b>	<b>26.416</b>	<b>34.074</b>
<b>+ Vay ngắn hạn</b>	711	752	1.176	869
<b>+ Nợ ngắn hạn khác</b>	7.981	8.439	7.884	12.797
<b>Nợ ngắn hạn</b>	8.692	9.192	9.060	13.666
<b>+ Vay dài hạn</b>	534	624	564	790
<b>+ Các khoản phải trả dài hạn khác</b>	3.037	3.054	3.248	4.727
<b>Nợ dài hạn</b>	3.571	3.678	3.812	5.517
<b>Tổng nợ phải trả</b>	12.263	12.869	12.872	19.184
<b>+ Vốn cổ phần</b>	4.780	4.780	4.780	4.780
<b>+ Thặng dư vốn cổ phần</b>	40	40	40	40
<b>+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	3.694	3.897	4.048	4.194
<b>+ Quỹ khác</b>	4.094	4.339	4.677	5.877
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	12.608	13.055	13.544	14.890
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>24.871</b>	<b>25.924</b>	<b>26.416</b>	<b>34.074</b>

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	-29,3%	14,8%	18,4%	23,3%
Tăng trưởng LNNT	-31,1%	23,9%	89,2%	-17,7%
Tăng trưởng LNST	-49,6%	69,3%	117,8%	-34,9%
Tăng trưởng VCSH	-2,1%	3,5%	3,7%	9,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-5,4%	4,2%	1,9%	29,0%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	30,8	14,9	24,1	13,7
P/B	1,1	0,8	1,4	1,22
EPS	887	1.438	1.579	2.473
BVPS	24.855	25.785	26.852	27.878

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

# Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



*Tư hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây